

PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI TÀI CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TƯ THỰC TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

DANH PHẠM MỸ DUYÊN^(*)

Tóm tắt: Cơ sở giáo dục đại học tư thực đang ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục của Việt Nam. Tuy nhiên, các ưu đãi của Nhà nước dành cho loại hình trường này hiện nay vẫn còn tồn tại một số hạn chế, chưa phát huy được các thế mạnh của loại hình này. Bài viết phân tích các quy định pháp luật Việt Nam hiện nay về các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học tư thực, gồm: (i) Quy định pháp luật về ưu đãi thuế, phí, lệ phí; (ii) Quy định pháp luật về ưu đãi đất đai; (iii) Quy định pháp luật về ưu đãi tín dụng.

Từ khoá: Ưu đãi; tài chính; thuế thu nhập doanh nghiệp; cơ sở đại học tư thực.

Abstract: Private higher education institutions are increasingly asserting their position in the education system of Vietnam. However, the State's incentives for this type of school currently still have some limitations and have not brought into play the strengths of this type of school. The article analyzes the current Vietnamese legal regulations on the State's preferential policies for this establishment, including: (i) Legal regulations on tax incentives, fees, and charges (ii) Regulations on land incentives (iii) Regulations on credit incentives.

Keywords: Incentives; finance; corporate income tax; private universities.

Ngày nhận bài: 05/8/2023; Ngày sửa bài: 11/9/2023; Ngày duyệt đăng bài: 27/10/2023.

Đặt vấn đề

Đầu tư cho giáo dục được xem là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội¹, thế nhưng nguồn ngân sách nhà nước là hữu hạn, nhà nước không thể tiếp tục bao cấp đầu tư cho các trường đại học công lập mở rộng các hoạt động. Trong bối cảnh đó, việc xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục, xuất hiện loại hình cơ sở tư thực được cho là cần thiết, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Thời gian qua, mô hình này đã khẳng định được thế mạnh bằng sự phát triển qua gần 30

năm với hơn 60 trường chiếm 25% trường đại học, quy mô đào tạo chiếm gần 15% tổng số sinh viên của cả nước và chất lượng thương hiệu đào tạo của các trường cũng dần tăng lên².

Hiện nay, Luật Giáo dục đại học năm 2012 và các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam³ ghi nhận rõ các chính sách nhằm phát triển giáo dục tại Việt Nam, chẳng hạn như: Ưu tiên, ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng và chính sách khác để phát triển giáo dục đại học⁴. Đối với các cơ sở giáo dục đại học tư thực, Đảng và Nhà nước cũng có nhiều chính sách khuyến khích

^(*) Giảng viên, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; Email: dpmduyen@hcmulaw.edu.vn

¹ Tiểu mục 2, mục A, phần II Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII).

² Vũ Thị Thảo, "Nâng cao năng lực tài chính các trường đại học ngoài công lập", <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/nang-cao-nang-luc-tai-chinh-cac-truong-dai-hoc-ngoai-cong-lap-d35407.html>, truy cập ngày 27/3/2023.

³ Điều 1, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

⁴ Điều 12 Luật Giáo dục đại học 2012.

phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thục, chẳng hạn như: ưu tiên cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học; có chính sách miễn, giảm thuế đối với tài sản hiến tặng, hỗ trợ cho giáo dục đại học, cấp học bổng và tham gia chương trình tín dụng sinh viên⁵.

Mặc dù các trường đại học ngoài công lập đã có những đóng góp không nhỏ trong sự nghiệp phát triển giáo dục đại học của đất nước, tuy nhiên các ưu đãi về tài chính đối với các trường đại học tư thục vẫn còn nhiều bất cập, chưa khai thác tối đa tiềm năng của hệ thống trường này và chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật về các chính sách ưu đãi, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách ưu đãi về tài chính đối với loại hình này.

1. Pháp luật về ưu đãi thuế, phí, lệ phí của Nhà nước dành cho cơ sở giáo dục đại học tư thục

Thuế vốn là một trong những công cụ đắc lực mà Nhà nước có thể sử dụng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Lĩnh vực giáo dục cũng không ngoại lệ, chính sách thuế từ lâu cũng được xem là “đòn quyết định” cho giáo dục tư thục nói chung và đại học tư thục nói riêng phát triển⁶. Chính sách thuế dành cho các cơ sở giáo dục đại học tư thục cũng dành được nhiều sự quan tâm của dư luận xã hội khi Luật Giáo dục đại học được

sửa đổi⁷. Theo nghiên cứu của tác giả, đối với các cơ sở giáo dục đại học tư thục tại Việt Nam, Nhà nước đã ghi nhận các ưu đãi Lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế thu nhập doanh nghiệp cho các cơ sở ngoài công lập thực hiện hoạt động xã hội hoá. Đồng thời, Nghị định số 141/2013/NĐ-CP các ưu đãi thuế, miễn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế dành cho các cơ sở giáo dục tư thục không vì mục tiêu lợi nhuận⁸.

Thứ nhất, đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, đây là loại thuế điều tiết vào thu nhập của các tổ chức có thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ và có thu nhập hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh đó. Cơ sở giáo dục đại học tư thục cũng là một tổ chức cung ứng các dịch vụ giáo dục. Do đó, đây là một trong những nghĩa vụ tài chính quan trọng mà các cơ sở giáo dục đại học tư thục phải thực hiện cho Nhà nước.

Trong những năm qua, trước khi Luật Giáo dục đại học sửa đổi được ban hành, Đảng và Nhà nước ta đã rất chú trọng đến việc thực hiện các chính sách ưu đãi cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trong đó có các ưu đãi liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, từ năm 2005, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, trong đó quy định về chính sách thuế: “Có chính sách ưu đãi đối với các cơ sở ngoài

⁵ Khoản 4 Điều 12 Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2018).

⁶ Thủy Linh, “Chính sách thuế, đòn quyết định cho giáo dục tư thục phát triển”, <https://giaoduc.net.vn/chinh-sach-thue-don-quyet-dinh-cho-giao-duc-tu-thuc-phat-trien-post204065.gd>, truy cập ngày 27/3/2023.

⁷ Hoa Cúc, “Bình Dương - Nên có chính sách thuế phù hợp với các trường đại học tư thục” <https://daibieunhandan.vn/Chuyen-dong/Binh-Duong-Nen-co-chinh-sach-thue-hop-ly-doi-voi-cac-truong-dai-hoc-tu-thuc-i31447/>, truy cập ngày 03/4/2023.

⁸ Điều 7 Nghị định 141/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 24/10/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục đại học.

công lập, đặc biệt là với các cơ sở hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận”. Trên cơ sở đó, Nghị định số 53/2006/NĐ-CP được ban hành với quy định cụ thể trường ngoài công lập “được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động”⁹.

Năm 2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa¹⁰, theo đó, các trường ngoài công lập “được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động”. Tuy nhiên, để hưởng được chính sách ưu đãi này, các trường ngoài công lập phải đáp ứng tiêu chuẩn “diện tích đất tối thiểu/học sinh” ở thành phố là 55 m²/sinh viên bậc đại học, cao đẳng¹¹. Theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, nếu không đáp ứng được tiêu chuẩn này, các trường ngoài công lập phải đóng 100% thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2013 Chính phủ điều chỉnh “diện tích đất tối thiểu” đối với sinh viên bậc đại học, cao đẳng thành “Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu”. Điều chỉnh này đã góp phần giúp các trường tư thực tháo gỡ khó khăn, tăng cường nguồn lực của xã hội đầu tư vào giáo dục, giảm bớt gánh nặng cho giáo dục công lập tại các đô thị lớn.

Theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục sẽ được hưởng 02 loại ưu đãi gồm: *Thứ nhất*,

ưu đãi về thuế suất, theo đó: thu nhập từ doanh nghiệp thực hiện hoạt động xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, thể thao và môi trường sẽ được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%. *Thứ hai, ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế*, theo đó: doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo¹². Bên cạnh đó, phần thu nhập không phân chia của cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hoá khác để lại đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hoá khác cũng được xác định là *thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp*¹³.

Thứ hai, theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện nay, hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho giáo dục là đối tượng được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu¹⁴. Cụ thể, theo quy định chi tiết của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì *Hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho giáo dục* là hàng hóa được sử dụng cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy, học và nghiên cứu khoa học của người dạy và người học trong các cơ sở giáo dục; bao gồm: thiết bị, máy móc, vật liệu, dụng cụ, hóa chất, đồ dùng, đồ chơi,

⁹ Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2006/NĐ-CP.

¹⁰ Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường

¹¹ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường.

¹² Khoản 1 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

¹³ Khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013.

¹⁴ Khoản 20 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016; Điều 21 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

sách, học liệu, chương trình giáo dục đào tạo, giáo trình, tạp chí, dây chuyên công nghệ và các hàng hóa khác. Điều này đồng nghĩa với việc khi các cơ sở giáo dục nói chung và cơ sở giáo dục đại học tư thục nói riêng tiến hành nhập khẩu hàng hoá thuộc danh mục này sẽ được miễn thuế nhập khẩu theo quy định¹⁵.

Thứ ba, thuế giá trị gia tăng cũng không có quy định riêng biệt ưu đãi cho các trường đại học tư thục mà chỉ có các quy định chung thể hiện sự quan tâm của nhà nước dành cho lĩnh vực này, chẳng hạn như: Hoạt động dạy học, dạy nghề; Xuất bản, nhập khẩu, phát hành giáo trình phục vụ cho hoạt động giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng dạy nghề là đối tượng không chịu thuế¹⁶; giáo cụ phục vụ cho công việc giảng dạy sẽ được hưởng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%¹⁷.

Thứ tư, về lệ phí trước bạ, theo quy định hiện hành, nhà, đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường theo quy định của pháp luật đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động này sẽ được miễn lệ phí trước bạ¹⁸.

Hiện nay, một số ý kiến cho rằng, nhà nước cần phải bổ sung nhiều chính sách ưu đãi về tài chính, có nhiều ưu đãi về thuế hơn đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục. Bởi lẽ, nguồn thu chính của trường đại học tư thục hiện nay là học phí, do đó, đánh thuế các trường đại học tư thục cũng chính là đánh thuế sinh viên. Nếu bị đánh

thuế, các trường sẽ nâng học phí lên, người “chịu trận” cuối cùng sẽ là sinh viên¹⁹. Tác giả cho rằng, trong bối cảnh kinh tế xã hội phát triển, nhu cầu của người học tăng cao thì việc nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập là cần thiết. Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc nhà nước miễn giảm hết tất cả các nghĩa vụ tài chính của họ. Đại học tư thục về bản chất cũng là tổ chức cung ứng dịch vụ tại Việt Nam, do đó, nó vẫn phải tuân thủ các quy luật cạnh tranh trên thị trường.

Hơn nữa, không thể viện vào lý do người “chịu trận” cuối cùng sẽ là sinh viên để ưu đãi nhiều hơn hoặc miễn giảm hoàn toàn nghĩa vụ thuế cho các trường đại học tư thục. Bởi lẽ, về nguyên tắc, người được thụ hưởng lợi ích từ việc cung ứng dịch vụ phải có nghĩa vụ chi trả cho chủ thể cung ứng để họ bù đắp chi phí đã bỏ ra. Theo quy luật của kinh tế thị trường thì người học phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ chi phí này cho chủ thể cung ứng mà không cần quan tâm đến các yếu tố khác như gia cảnh, nhân thân của chủ thể sử dụng dịch vụ.

Bên cạnh đó, trong nhóm các cơ sở giáo dục đại học tư thục thì trường đại học tư thục không vì mục tiêu lợi nhuận cũng được quan tâm. Theo quy định hiện hành, cơ sở giáo dục tư thục không vì mục tiêu lợi nhuận là cơ sở giáo dục đại học mà phần lợi nhuận tích lũy hằng năm là tài sản chung không chia, để tái đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học; các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn không hưởng lợi tức

¹⁵ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 11/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 6/4/2018 về việc ban hành tiêu chí hàng hoá chuyên dùng trực tiếp cho giáo dục.

¹⁶ Khoản 15 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng 2008.

¹⁷ Điểm m khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng 2008.

¹⁸ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17/6/2011 về lệ phí trước bạ

¹⁹ Vũ Thị Thảo, “Nâng cao năng lực tài chính các trường đại học ngoài công lập”, <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/nang-cao-nang-luc-tai-chinh-cac-truong-dai-hoc-ngoai-cong-lap-d35407.html>, truy cập ngày 27/3/2023.

hoặc hưởng lợi tức hàng năm không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ²⁰. Với tinh thần đó, đại học tư thục không vì mục tiêu lợi nhuận sẽ là một biểu tượng cho sự cống hiến của các nhà đầu tư vào lĩnh vực giáo dục của đất nước. Bởi lẽ, kết quả đầu tư mang lại lợi ích cho cộng đồng, cho văn hoá - xã hội nhiều hơn là lợi ích về mặt tài chính. Có thể thấy, trường đại học tư thục không vì mục tiêu lợi nhuận là đối tượng “cống hiến” thực sự cho sự nghiệp giáo dục. Do đó, đây phải là đối tượng cần được quan tâm và nhận được nhiều sự ưu đãi hơn so với các trường đại học tư thục hoạt động thu lợi nhuận.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu về các quy định pháp luật về ưu đãi thuế hiện nay, tác giả nhận thấy, mặc dù các cơ sở giáo dục đại học tư thục không vì mục tiêu lợi nhuận được pháp luật ghi nhận rằng sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi thuế, miễn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định²¹, thế nhưng các văn bản pháp luật về thuế hoàn toàn không có quy định ưu đãi đặc trưng dành cho đối tượng này. Các ưu đãi hiện nay chỉ dừng lại ở các cơ sở ngoài công lập thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục nói chung. Do đó, tác giả kiến nghị, pháp luật Việt Nam hiện hành cần phải bổ sung các quy định cụ thể về ưu đãi thuế dành cho các trường đại học tư thục không vì lợi nhuận để đảm bảo tính thống nhất giữa quy định của pháp luật giáo dục và pháp luật về thuế.

2. Pháp luật về ưu đãi đất đai đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục

Hiện nay, nhà nước khuyến khích việc sử dụng đất vào mục đích phát triển văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường²². Luật Giáo dục đại học cũng ghi nhận rõ các chính sách nhằm phát triển giáo dục tại Việt Nam, trong đó, ưu đãi về đất đai là một trong những ưu đãi có thể tạo động lực phát triển giáo dục đại học nói chung và đại học tư thục nói riêng²³. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, nếu các chính sách ưu đãi về thuế được xem là đòn quyết định đối với sự phát triển giáo dục đại học thì các ưu đãi về đất đai lại là một chính sách mà các trường tư thục rất khó tiếp cận trên thực tế.

Theo quy định hiện hành, nhằm khuyến khích phát triển xã hội hoá, cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất *miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê*²⁴. Tuy nhiên, đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương quy định chế độ *miễn, giảm tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực*. Mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án; mức tối thiểu bằng mức ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư. Bên cạnh đó, hiện nay Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ

²⁰ Khoản 7 Điều 4 Luật Giáo dục đại học năm 2012.

²¹ Điều 7 Nghị định số 141/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 24/10/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục đại học.

²² Khoản 5 Điều 147 Luật Đất đai 2013.

²³ Điều 12 Luật Giáo dục đại học 2012.

²⁴ Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ.

sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ cũng có các quy định khá chi tiết về vấn đề cho thuê đất của Nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hoá nói chung và trường đại học tư thục nói riêng.

Tuy nhiên, những ưu đãi trên dành cho các trường đại học tư thục được cho là rất khó tiếp cận. Bởi lẽ, quỹ đất để xây dựng trường học rất hạn chế, trong khi đó sĩ số các trường công lập nội đô tại các đô thị lớn tiếp tục quá tải và không có xu hướng giảm. Khi khảo sát ý kiến của các trường tư thục tại Việt Nam, đại diện các trường cho rằng họ đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận quỹ đất để xây dựng cơ sở tại các dự án lớn, khu đô thị²⁵. Do đó, có nhiều ý kiến cho rằng, Nhà nước cần có sự hỗ trợ thiết thực hơn đối với các cơ sở giáo dục tư thục mới có thể thu hút được đầu tư từ xã hội, doanh nghiệp và người dân, chung tay cùng Nhà nước chăm lo cho sự nghiệp giáo dục²⁶.

Với các chính sách ưu đãi về đất đai hiện nay, giống với các chính sách ưu đãi về thuế, các quy định ưu đãi tài chính về đất đai của các trường đại học tư thục cũng không có nhiều sự khác biệt đối với các cơ sở ngoài công lập thực hiện xã hội hoá hoạt động trong các lĩnh vực khác. Đặc biệt, đối với các trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, nhà nước có chính sách ưu tiên giao hoặc cho thuê đất; miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất; miễn hoặc giảm tiền thuê mặt đất, mặt nước theo quy định của pháp luật²⁷. *Tuy nhiên, hiện nay khi rà soát quy định về đất đai thì các ưu đãi dành riêng*

cho nhóm trường đại học tư thục không vì mục tiêu lợi nhuận hoàn toàn không có. Do đó, tác giả kiến nghị rằng, pháp luật Việt Nam cũng nên có những quy định cụ thể về các chính sách ưu đãi dành cho đối tượng này, khắc phục sự ưu đãi chỉ mang tính hình thức như hiện nay.

3. Pháp luật về ưu đãi huy động vốn tín dụng của cơ sở giáo dục đại học tư thục

3.1. Quy định pháp luật về ưu đãi huy động vốn tín dụng dành cho cơ sở giáo dục đại học tư thục

Ưu đãi về việc huy động vốn tín dụng là chính sách rất quan trọng tạo nên nội lực phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học tư thục. Nguồn lực tài chính chủ yếu của trường đại học tư thục hiện nay là từ các nhà đầu tư góp và các khoản tài trợ từ doanh nghiệp.

Hiện nay, cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép huy động vốn của các tổ chức kinh tế, cá nhân để đầu tư phát triển cơ sở vật chất và có trách nhiệm sử dụng, hoàn trả vốn huy động theo thoả thuận. *Khoản chi trả lãi huy động dưới hình thức vốn vay được hạch toán vào chi phí của cơ sở thực hiện xã hội hóa*²⁸. Theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp, đối với các tổ chức có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của những đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố

²⁵ Nguyễn Trang, “Nhiều trường tư thục phải vật vã tiếp cận quỹ đất sạch”, <https://vov.vn/xa-hoi/giao-duc/nhieu-truong-tu-thuc-phai-va-khi-tiep-can-quy-dat-sach-977886.vov>, truy cập ngày 3/4/2023.

²⁶ Thủy Linh, “Chính sách thuế, đòn quyết định cho giáo dục tư thục phát triển”, <https://giaoduc.net.vn/chinh-sach-thue-don-quet-dinh-cho-giao-duc-tu-thuc-phat-trien-post204065.gd>, truy cập ngày 27/3/2023..

²⁷ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 24/10/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục đại học.

²⁸ Thông tư số 135/2008/TT-BTC của Bộ Tài Chính về khuyến khích xã hội hoá hoạt động giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

tại thời điểm vay là chi phí không được trừ khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp²⁹.

Quy định trên cho thấy hiện nay pháp luật Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc tạo các điều kiện thuận lợi cho trường đại học tư thục có thể tiếp cận với các nguồn lực tài chính khác ngoài vốn tự có để đầu tư xây dựng trường. Tuy nhiên thực tiễn hiện nay, đại đa số các trường đại học ngoài công lập khó tiếp cận được các ưu đãi bởi không thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Quyết định 693/QĐ - TTg. Phần lớn các trường vay vốn tín dụng thương mại bằng hình thức bảo đảm bằng tài sản, rất ít các trường tiếp cận được vốn vay ưu đãi. Do đó, có kiến nghị cho rằng, Chính phủ cần thực hiện ra gói “Tín dụng hỗ trợ đầu tư cho các trường Đại học để khuyến khích và tạo động lực cho các trường đại học phát triển và nhằm giải quyết nhu cầu vốn đầu tư thiếu hụt hiện nay³⁰.

3.2. Quy định pháp luật về ưu đãi vốn tín dụng dành cho sinh viên tại các trường đại học tư thục

Bên cạnh các ưu đãi đối với nguồn vốn tín dụng cho các trường thì các chính sách tín dụng dành cho sinh viên đang theo học tại các trường này cũng là nội dung cần được quan tâm. Bởi lẽ, mặt bằng mức học phí tại các trường tư thục hiện nay thường cao hơn so với các trường đại học công lập. Tuy nhiên, chính sách tín dụng dành cho học sinh, sinh viên tại Việt Nam hiện nay vẫn còn cào bằng, chưa có sự phân hoá giữa các đối tượng sinh viên học tại các trường khác nhau.

Theo quy định hiện nay³¹, học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: (i) Hộ nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật; (ii) Hộ cận nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật. (iii) Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật là đối tượng được vay vốn tín dụng dành cho học sinh, sinh viên. Mức vay vốn tối đa là 4.000.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên. Kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, đối tượng được vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Đối tượng được vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

Có thể thấy, về đối tượng, chính sách tín dụng dành cho sinh viên tại Việt Nam đang hướng đến hỗ trợ cho nhóm sinh viên đặc thù như sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mức thu nhập thấp mà không dành cho tất cả sinh viên đang theo học tại bậc đại học. Tác giả cho rằng trong bối cảnh hiện nay điều này là hợp lý vì trong bối cảnh hiện nay khi nguồn thu ngân sách còn hạn chế, nhà nước cần phân phối nguồn lực tài chính cho những lĩnh vực khác. Tuy nhiên, đối với mức vay vốn theo quy định hiện nay là chưa thực sự hợp lý. Bởi lẽ, trong bối cảnh chính sách học phí có nhiều thay đổi, học phí của các trường đại học là khác nhau, trường công lập mức học phí thường thấp hơn các trường tư thục. Do đó, việc nhà nước ấn định mức vay tối đa chung cho sinh viên học tại các hệ sẽ không tạo được động lực cho sinh viên theo học tại các trường đại học tư thục. Tác giả kiến nghị, mức vay vốn hiện nay nên được sửa đổi theo hướng ấn định tỉ lệ %/học phí của

²⁹ Điểm e Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

³⁰ Vũ Thị Thảo, “Nâng cao năng lực tài chính các trường đại học ngoài công lập”, <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/nang-cao-nang-luc-tai-chinh-cac-truong-dai-hoc-ngoai-cong-lap-d35407.html>, truy cập ngày 27/3/2023.

³¹ Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

sinh viên thay vì ấn định một số tiền cụ thể như hiện nay.

Kết luận

Giáo dục là một loại hình cung ứng dịch vụ đặc thù, nó không chỉ mang lại lợi ích cho bản thân người học mà còn mang đến lợi ích cho xã hội. Có thể thấy, việc học đại học bên cạnh giúp cho người học có khả năng tìm được việc làm tốt hơn, nó còn giúp cho kinh tế tăng trưởng nhờ vào lực lượng lao động chất lượng cao đã qua đào tạo. Chính vì vậy, việc trực tiếp quy định các chính sách ưu đãi dành cho trường đại học tư thục, gián tiếp tăng cơ hội cho sinh viên có thể tiếp cận với việc học đại học như hiện nay là hoàn toàn phù hợp và cần thiết. Tuy nhiên, như tác giả đã phân tích, các ưu đãi nên được quy định một cách cụ thể để có thể áp dụng trên thực tiễn, tránh những ưu đãi mang tính hình thức.

Đồng thời, bên cạnh các ưu đãi của nhà nước, để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với trường đại học thì khi các trường xây dựng chế độ học phí phải tính toán đến việc điều chỉnh các chính sách liên quan đến chế độ miễn giảm cho sinh viên nghèo, sinh viên là đối tượng chính sách; chế độ học bổng cho sinh viên; các chế độ trợ cấp cho sinh viên để đảm bảo rằng không ai vì lý do tài chính mà không thể học đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII).
2. Luật Giáo dục đại học 2012, sửa đổi, bổ sung 2018.
3. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 24/10/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục đại học.

4. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

5. Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường.

6. Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

7. Thông tư số 135/2008/TT-BTC của Bộ Tài Chính về khuyến khích xã hội hoá hoạt động giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

8. Thuỳ Linh, “Chính sách thuế, đòn bẩy quyết định cho giáo dục tư thục phát triển”, <https://giaoduc.net.vn/chinh-sach-thue-don-quyet-dinh-cho-giao-duc-tu-thuc-phat-trien-post204065.gd>, truy cập ngày 27/3/2023.

9. Vũ Thị Thảo, “Nâng cao năng lực tài chính các trường đại học ngoài công lập”, <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/nang-cao-nang-luc-tai-chinh-cac-truong-dai-hoc-ngoai-cong-lap-d35407.html>, truy cập ngày 27/3/2023.

10. Nguyễn Trang, “Nhiều trường tư thục phải vật vã tiếp cận quỹ đất sạch”, <https://vov.vn/xa-hoi/giao-duc/nhieu-truong-tu-thuc-phai-vat-va-khi-tiep-can-quy-dat-sach-977886.vov>, truy cập ngày 3/4/2023.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG BẰNG VÀ SỰ VẬN DỤNG THỰC HIỆN CÔNG BẰNG TRONG HƯỞNG LỢI TỪ RUỘNG ĐẤT CỦA NÔNG DÂN HIỆN NAY

ĐÀO ĐĂNG MĂNG^(*)

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng có giá trị lý luận, thực tiễn to lớn vì tư tưởng đó chủ trương thực hiện công bằng xã hội cho nhân dân Việt Nam. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội luôn là chủ trương xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng. Những kết quả tích cực, toàn diện trên mọi mặt đời sống xã hội đã khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Bài viết trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp vận dụng nhằm bảo đảm công bằng trong hưởng lợi từ ruộng đất cho nông dân khi thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh; công bằng; nông dân; ruộng đất.

Abstract: Ho Chi Minh's ideas on fairness hold great theoretical and practical value as they advocate for social justice for the people of Vietnam. The pursuit of progress and social fairness has always been the consistent and cohesive principle of our Party's leadership in the revolution. Positive and comprehensive outcomes in all aspects of social life have affirmed the positive nature of the socialist regime. Based on Ho Chi Minh's ideas on fairness, this article proposes some recommendations and solutions to ensure fairness in benefiting from land for farmers when implementing land accumulation and concentration.

Keywords: Ho Chi Minh's ideas; fairness; farmers; land.

Ngày nhận bài: 07/10/2023; Ngày sửa bài: 05/11/2023; Ngày duyệt đăng bài: 27/12/2023.

Đặt vấn đề

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo

chủ Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”¹. Vì vậy, tiếp tục nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới là rất quan trọng. Vấn đề tiến bộ, công bằng xã hội là mục tiêu hướng đến, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo đảm để kinh tế phát triển lành mạnh. Như khẳng định của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Ruộng đất là một tư liệu sản xuất quan trọng, là nguồn sống chủ yếu của nông dân, bám sát thực

^(*) NCS., Khoa Triết học, Học viện Khoa học xã hội; Email: dangmanghau@gmail.com

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr.109.

tiên, Đảng ta đã kiên trì lãnh đạo thực hiện công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách đối với nông dân. Chính sách, pháp luật về đất đai được từng bước hoàn thiện, góp phần quan trọng nâng cao quản lý, sử dụng nguồn lực đất đai và thực hiện công bằng cho nông dân từ tích tụ, tập trung ruộng đất.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về công bằng xã hội được hình thành, phát triển từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội, và từ việc Người trực tiếp chứng kiến cảnh áp bức, bất công trong quá trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng, công nhân và nông dân là lực lượng lao động sản xuất chủ yếu, nhờ có sức lao động của họ, mà xã hội mới tồn tại, phát triển. Nhưng một sự vô lý và bất công là ở chỗ những người lao động thì nghèo khó, bị áp bức, bóc lột, trong khi một số người không lao động thì trở nên giàu có. Về điều này Người viết: “Dưới sự thống trị của đế quốc và phong kiến, nhân dân chỉ có nghĩa vụ, như nộp sưu đóng thuế, đi lính đi phu mà không có quyền lợi”².

Hồ Chí Minh cho rằng, để có công bằng xã hội thì phải giải phóng con người, giải phóng dân tộc. Đất nước có độc lập, tự do, dân chủ thì nhân dân mới có hạnh phúc. Xã hội mà nhân dân ngày càng sung sướng, hạnh phúc, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục, tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ, ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng

tốt; một xã hội như vậy chỉ có thể là xã hội xã hội chủ nghĩa. Về điều này Người viết: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”³; “Chính phủ cố gắng làm theo đúng ba chính sách: Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc”⁴.

Hồ Chí Minh cho rằng, công bằng xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là biện pháp lâu dài để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Về điều này Người viết: “Trong công tác lưu thông phân phối, có hai điều quan trọng phải luôn nhớ: Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”⁵.

Hồ Chí Minh cho rằng, công bằng xã hội không đồng nhất với việc cào bằng, mà công bằng xã hội được hiểu là sự ngang bằng nhau giữa người và người trong mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, cống hiến và hưởng thụ. Trong điều kiện hoàn cảnh nước nhà còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, phải chống giặc ngoại xâm, chưa thể làm cho đời sống nhân dân có ngay được sự no đủ, nhưng không được coi việc thực hiện công bằng xã hội như là một “sự cào bằng trong nghèo khổ”. Nhà nước cần bảo đảm những điều kiện sống cho mọi người trong

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 8, tr.264.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1, tr.496.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr.491.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 15, tr.224

xã hội, bất kể thành phần, vị trí, hoàn cảnh. Đối với người nghèo, Nhà nước phải lo cơm ăn áo mặc, học hành. Đối với những người hữu sản, Nhà nước phải lo làm sao giúp đỡ họ có thể đem tài năng và những phương tiện để phát triển sản xuất, góp phần kiến quốc. Về điều này Người viết: “Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bần cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hy sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng”⁶.

Hồ Chí Minh cho rằng, nước ta là một nước nông nghiệp đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì Nhà nước phải rất quan tâm đến đời sống nông dân, thực hiện công bằng xã hội cho nông dân. Nông dân phải được hưởng lợi từ các chính sách và nâng cao giá trị vật chất, tinh thần cho nông dân, và nhờ “yên được lòng dân” mà xã hội được ổn định, thuận lợi phát triển. Về điều này Người viết: “Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân”⁷; “lấy xã làm đơn vị, trên cơ sở nguyên canh, theo số lượng, chất lượng, vị trí gần hay xa của ruộng đất, dùng cách điều chỉnh nhiều bù ít, tốt bù xấu, gần bù xa mà chia; cần chiếu cố những nông dân trước đã cày những ruộng đất ấy”⁸.

2. Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác

định công bằng xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội, để hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Về điều này, Đảng ta khẳng định: “Thực hiện tiến bộ và công bằng trong từng bước và từng chính sách phát triển là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập; khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước”⁹.

Nhờ vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng, sau hơn 37 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn trong việc thực hiện công bằng. Ở Việt Nam hiện nay, phát triển kinh tế đã gắn với phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế đã đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Các giai tầng xã hội và các chủ thể kinh tế đã được tự do, tự chủ đầu tư, phát triển kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động đã giảm từ 6,9% của năm 2001 xuống 3,22% năm 2021. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình trong 37 năm qua đã đạt khoảng 7%/năm. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng khoảng hơn 23 lần, từ 159 USD/năm (1985) lên 3.743 USD/năm (2021). Kim ngạch xuất, nhập khẩu đã tăng từ 2,4 tỷ USD (1990) lên 660 tỷ USD (2021). Công tác xóa đói, giảm nghèo đã đạt kết quả nổi bật, được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Việt Nam đã là một trong 30 quốc gia đầu tiên trên thế giới và là nước đầu tiên ở châu Á áp dụng chuẩn nghèo đa chiều. Tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 9, tr.508.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 8, tr.31.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 8, tr.354.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.43.

đã giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ Việt Nam.

Thành tựu trong việc thực hiện công bằng đối với nông dân Việt Nam là rất lớn. Đối với nông dân, ruộng đất là tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng, không chỉ là sinh kế của hơn 1/3 dân số cả nước với hơn 9,2 triệu hộ nông dân mà còn là nền tảng cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Trong những năm qua, việc tích tụ, tập trung ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp đã góp phần vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, đã đóng góp phần to lớn vào sự phát triển của ngành nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Việt Nam từ chỗ thiếu lương thực đã vươn lên trở thành một nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về gạo, thủy sản và một số nông sản khác. Hàng hóa nông sản Việt Nam đã có mặt ở 196 quốc gia và vùng lãnh thổ. An ninh lương thực quốc gia đã được đảm bảo. Ngành nông nghiệp đã trở thành trụ đỡ của nền kinh tế quốc dân.

Liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công bằng đối với nông dân Việt Nam là chính sách của Nhà nước về ruộng đất. Chính sách của Nhà nước về ruộng đất đã từng bước thể chế hóa được các quan điểm của Đảng về công bằng đối với nông dân. Quan điểm của Đảng về công bằng đối với nông dân thể hiện rõ trong các văn bản như: Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII; Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 18-NQ/TW về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”; Nghị quyết số 19-NQ/TW về phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW trước đây; Nghị quyết

số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

Tuy nhiên, chính sách của Nhà nước về ruộng đất vẫn còn bất hợp lý. Một bộ phận nông dân còn bị thiệt thòi do việc thu hồi ruộng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Một bộ phận nông dân sau khi bị thu hồi ruộng đất, không còn sinh kế. Một bộ phận nông dân là đồng bào dân tộc thiểu số không có đất hoặc thiếu đất sản xuất. Người nông dân tuy có thể được quyền chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng ‘quyền sử dụng đất’ của mình trong quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất, nhưng họ không được phép tự lựa chọn mục đích sử dụng đất. Nông dân bị giới hạn quyền sử dụng đất trong vòng 50 năm, trong khi thời gian quyền sử dụng đất của các nhà đầu tư cho các dự án thương mại, dịch vụ, sản xuất lên tới 70 năm; còn thời gian quyền sử dụng với đất ở và những dự án nhà ở là vĩnh viễn. Có trường hợp khi nhà nước thu hồi đất của nông dân để chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác theo luật, giá đền bù là do Nhà nước định đoạt và thường là rẻ hơn nhiều lần so với giá thị trường. Một bộ phận nông dân, từ vị trí là người làm chủ theo tinh thần “người cày có ruộng”, đã trở thành những người gần như không có quyền định đoạt số phận mảnh ruộng mà họ được giao quyền sử dụng. Nhà nước có chủ trương tích tụ, tập trung ruộng đất để hình thành diện tích lớn sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Chính sách này là đúng. Nhưng có địa phương chưa tính đến trình độ và nguồn lực của người nông dân. Vì thế cho nên trên thực tế, người hưởng lợi cuối cùng có thể không phải là nông dân mà thực ra lại là một “chủ thể” nào đó. Trong tổng số trên 9,2 triệu hộ nông dân, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tính đến thời điểm ngày 1/7/2020, kết quả dồn điền, đổi thửa ở cả nước đạt diện tích 790 nghìn ha. Trong

đó, ở vùng đồng bằng sông Hồng đạt 426,6 nghìn ha; ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung đạt 321 nghìn ha; ở Đông Nam Bộ đạt 1,3 nghìn ha; ở đồng bằng sông Cửu Long đạt 400 nghìn ha¹⁰. Ở tỉnh Thái Bình, theo báo cáo của ngành Nông nghiệp, năm 2020, toàn tỉnh tích tụ được 22.169,58 ha đất nông nghiệp. Trong đó tích tụ theo hình thức thuê đất và chuyển quyền sử dụng đất đạt 7.883,58 ha; tích tụ theo hình thức liên kết sản xuất, hợp đồng bao tiêu sản phẩm đạt 14.286 ha. Năm 2020, toàn tỉnh đã xây dựng 479 cánh đồng lớn với tổng diện tích 14.000 ha¹¹, trong đó gần 90% là hợp đồng sản xuất lúa. Hình thức tổ chức sản xuất chính trong nông nghiệp Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu là nông hộ, chiếm 90% tổng diện tích sản xuất nông nghiệp. Phong trào cánh đồng mẫu lớn hay tích tụ, tập trung ruộng đất có xu hướng chững lại. Trong việc tích tụ, tập trung ruộng đất thì lợi thế thuộc về những nông dân có nhiều đất (hoặc nhóm nông dân tham gia hợp tác). Vì họ biết tổ chức sản xuất (kể cả cá nhân, hợp tác xã, tập đoàn); có khả năng đủ lớn về tài chính, hoặc có khả năng tiếp cận nguồn vốn để cơ giới hóa sản xuất. Thực tiễn trên đã và đang đòi hỏi Nhà nước phải có chính sách mới để bảo đảm công bằng cho nông dân từ quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất hiện nay.

Dự thảo Luật Đất đai 2013 sửa đổi, được lấy ý kiến của đông đảo tầng lớp nhân dân, thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khoá XV. Luật Đất đai này chứa đựng nhiều chính sách mới về: tập trung, tích tụ đất nông nghiệp; quản lý, kiểm soát việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên; mở rộng đối tượng, hạn

mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng, địa phương, với việc chuyển đổi nghề, việc làm, lao động ở nông thôn; điều kiện để người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi mục đích sản xuất cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo quy hoạch; quản lý chất lượng đất, khắc phục tình trạng thoái hoá, suy giảm chất lượng đất; xây dựng quy định về ngân hàng cho thuê đất nông nghiệp; ưu tiên giao đất cho đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất, cùng với các cơ chế hiệu quả để ngăn chặn người dân chuyển nhượng sau khi được giao đất; thu hồi đất giao khoán không đầu tư từ các công ty nông, lâm nghiệp về địa phương quản lý và thực hiện giao đất, cho thuê đất phù hợp với điều kiện của từng địa phương, vùng, miền; và về nhiều vấn đề khác. Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) hy vọng sẽ khắc phục những bất hợp lý đối với quyền lợi của nông dân.

Như vậy, về mặt khách quan nhìn nhận, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội nói chung và đối với hưởng lợi từ ruộng đất cho nông dân nói riêng luôn là vấn đề phức tạp. Vấn đề này vừa phụ thuộc vào các điều kiện khách quan, nhất là trình độ kinh tế, vừa phụ thuộc vào năng lực chủ quan của các chủ thể xã hội. Chủ trương của Đảng về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được triển khai thực hiện đồng bộ, thường xuyên đã tạo điều kiện để các giai cấp, tầng lớp nhân dân với đặc điểm, nhu cầu đa dạng, phong phú đều có cơ hội đóng góp cho đất nước; đồng thời, được thụ hưởng xứng đáng, phù hợp với thành quả phát triển từ các chính sách kinh tế, xã hội của đất nước. Rõ ràng, với quan điểm xuyên suốt, nhất quán, Đảng và Nhà nước đã thường xuyên

¹⁰ Tổng Cục Thống kê, *Thông cáo báo chí về kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020*, Hà Nội.

¹¹ Báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2020, UBND tỉnh Thái Bình tại <http://thaibinh.gov.vn>.

lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong thời kỳ đổi mới. Những kết quả tích cực, toàn diện trên mọi mặt đời sống xã hội đã không chỉ khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa do Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang nỗ lực xây dựng.

3. Kiến nghị một số giải pháp nhằm vận dụng tốt hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng để bảo đảm công bằng cho nông dân Việt Nam hiện nay

Hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội vẫn còn giữ nguyên giá trị. Chúng ta cần phải tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội để bảo đảm hưởng lợi chính đáng cho nông dân từ quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất. Chúng ta đang tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, tôi xin kiến nghị một số vấn đề như sau.

Một là, Luật Đất đai sửa đổi cần hiện thực hóa mục tiêu thực hiện công bằng xã hội trong các quy định pháp luật liên quan đến tích tụ, tập trung ruộng đất. Sở dĩ cần như vậy là vì:

Tích tụ, tập trung ruộng đất nhằm tăng quy mô diện tích ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đem lại lợi ích cho nông dân, cho nông nghiệp ngày càng nhiều hơn. Ruộng đất là vấn đề hệ trọng, liên quan trực tiếp đến nông dân, nên nông dân vẫn là chủ thể chính và phải được hưởng lợi từ quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất. Trong điều kiện chúng ta đã thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần (đa sở hữu), nên công nhận nông dân có quyền tài sản đối với ruộng đất, bởi đó là tư liệu sản xuất chính của họ. Nếu Nhà nước đối xử khác đi là không tạo ra sự công bằng xã hội trong thực hiện mục tiêu tích tụ, tập trung ruộng đất. Do đó, Luật Đất đai (sửa đổi) cần bổ sung việc trao quyền thực sự cho nông dân,

trao “quyền sử dụng” đất nông nghiệp gần như “quyền sở hữu” cho nông dân, ở một chừng mực nào đó có thể coi “quyền sử dụng” tiệm cận với “quyền sở hữu” về ruộng đất. Từ đó, phát triển thị trường quyền sử dụng ruộng đất vận hành theo đúng quy luật thị trường, tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp hàng hóa phát triển.

Cùng với bảo vệ quyền sở hữu của nông dân đối với mảnh ruộng của họ thì cần đưa “thị trường quyền sử dụng đất” về với bản chất của nó, hạn chế sự can thiệp trực tiếp hành chính của chính quyền đến tích tụ, tập trung ruộng đất. Theo đó, nếu như chưa thể công nhận quyền sở hữu với ruộng đất thì cần công nhận quyền tài sản đối với đất nông nghiệp. Quyền sử dụng đất đã được Bộ Luật Dân sự 2015 xác định là “tài sản”. Thế nhưng, cho đến nay, quyền đó vẫn rất dễ dàng bị định đoạt bởi một quyết định hành chính kể từ cấp huyện khi nhà cầm quyền muốn thu hồi đất. Bỏ quy định cho phép chính quyền định giá đất nông nghiệp 5 năm/lần, việc định giá nên thuộc về chức năng của tổ chức độc lập, nằm ngoài nhà nước. Thuế là công cụ chính để nhà nước quản lý đất đai: Đánh thuế nặng, thậm chí thu hồi đất nếu chủ sử dụng đất bỏ hoang, lãng phí hoặc hủy hoại đất đai... và đánh thuế lũy tiến với đất phi nông nghiệp và bất động sản để chống đầu cơ, tạo giá đất ảo, gây ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế - xã hội.

Quy định tường minh, rõ hơn về điều kiện thu hồi ruộng đất, việc xác định giá đất khi giải tỏa, đền bù cần quy định lại và làm rõ; phải có quy hoạch từ trước và đền bù theo giá nhà nước quy định theo bảng giá đất được công bố hằng năm, và giá này phải sát với giá thị trường và thỏa thuận với nông dân. Việc đền bù nên do chủ đầu tư trực tiếp làm, chính quyền tuyệt đối không được làm như từ trước đến nay tránh

gây ra hệ lụy. Thu hồi ruộng đất cần làm rõ mục đích, điều kiện thu hồi và thẩm quyền thu hồi, vì hiện nay có không ít trường hợp bị lạm dụng. Chỉ nên thu hồi ruộng đất vì mục đích quốc phòng và phúc lợi công cộng (đường, kênh, cầu cống, công viên...). Bỏ việc giao đất cho các dự án kinh tế vì kinh doanh thì phải tính hết các chi phí theo giá thị trường.

Cũng cần phải có cách thức kiểm soát quyền lực, hạn chế sự lạm quyền của chính quyền địa phương trong việc kiểm soát, thu hồi ruộng đất. Luật Đất đai và các văn bản dưới Luật cũng cần phải đưa ra được một bộ nguyên tắc thống nhất, công bằng và minh bạch về quyền tiếp cận đất đai. Nếu có một bộ nguyên tắc như thế được áp dụng thì ít nhất các quyền sử dụng đất, các điều kiện chuyển giao giữa các quyền này và cơ chế giải quyết các xung đột sẽ được đảm bảo nhất quán như nhau giữa những người có quyền sử dụng đất, theo một quy trình cho trước và được thực hiện một cách công bằng, minh bạch và không thể thiên vị, diễn giải sai lệch. Ngoài ra, sẽ là bất công nếu ta hạn chế tối đa mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khi lại “rộng rãi” với các loại đất khác. Điều này cũng kìm hãm sự phát triển nông nghiệp. Cần cân nhắc việc cho người dân có quyền tự do chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên đất nông nghiệp, theo tín hiệu và nhu cầu của thị trường mà không bị mất quyền lợi, miễn là mục đích nông nghiệp vẫn là mục đích chủ yếu. Việc phân biệt cứng nhắc đất trồng lúa và đất trồng lúa chất lượng cao là không cần thiết.

Hai là, Luật Đất đai sửa đổi cần bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và nông dân trong quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất. Sở dĩ cần như vậy là vì lý do như sau.

Một vấn đề nguyên tắc trong quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất là phải bảo đảm

hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp (chủ thể thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và lợi ích của nông dân (người cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, góp vốn...). Lợi ích của Nhà nước là ruộng đất phải được sử dụng đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng luật pháp, tiết kiệm, có hiệu quả cao, bảo vệ môi trường; cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Lợi ích của doanh nghiệp là giảm chi phí (công sức, thời gian, tài chính), giảm bớt rủi ro (do sự thay đổi về chính sách, sự vi phạm hợp đồng của nông dân), đạt được doanh thu, lợi nhuận cao. Lợi ích của nông dân là việc làm và thu nhập từ ruộng đất để có cuộc sống ổn định, có mức sống cao hơn; môi trường an toàn, trong sạch, lành mạnh. Trong mối quan hệ trên thì Nhà nước có quyền lực, sức mạnh để bảo vệ lợi ích của mình; doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế, có nhiều lựa chọn (làm hay không làm, làm bằng cách nào, làm ở đâu, khi nào) chỉ làm khi có lợi ích. Còn nông dân là những người yếu thế, ít có khả năng lựa chọn nên dễ bị tổn thương, thiệt thòi. Vì vậy, trong quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất phải nhận thức đúng quan hệ sở hữu và giải quyết hài hòa lợi ích của các chủ thể, quan tâm đến lợi ích của người nông dân.

Tích tụ, tập trung ruộng đất là cần thiết, quan trọng nhưng không phải là mục tiêu cuối cùng. Tích tụ, tập trung ruộng đất chỉ là tạo điều kiện, tiền đề cho phát triển sản xuất nông nghiệp lớn, áp dụng khoa học, công nghệ cao để nâng cao năng suất lao động nông nghiệp; nâng cao năng suất trên một đơn vị ruộng đất canh tác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và cuối cùng là đem lại lợi ích cao nhất cho chủ sở hữu, sử dụng ruộng đất. Do đó, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp ngoài việc tích tụ, tập

trung ruộng đất, phải quan tâm đến các yếu tố khác như: năng lực quản lý, trình độ kỹ năng của người lao động, đặc biệt là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào các khâu của sản xuất nông nghiệp. Chỉ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới tạo ra được sự phát triển có tính đột phá, nhả vọt về năng suất lao động, đem lại lợi ích kinh tế cao cho Nhà nước, doanh nghiệp, nông dân. Thực tế hiện nay đã khẳng định, công nghệ có vai trò to lớn hơn việc gia tăng quy mô diện tích ruộng đất trong phát triển nông nghiệp sản xuất lớn.

Mặt khác, tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn là vấn đề kinh tế, lấy việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất, sản xuất nông nghiệp là mục tiêu, tiêu chuẩn đánh giá. Tuy nhiên, quá trình đó cũng có những ảnh hưởng, tác động lớn về mặt xã hội, đặt ra nhiều vấn đề xã hội cần giải quyết. Đó là việc làm thay đổi nhận thức, tâm lý của người nông dân quen sản xuất nhỏ; việc đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân ở nông thôn, giữ vững ổn định xã hội, xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, nhận thức và giải quyết hài hòa các lợi ích của các chủ thể trong quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất bên cạnh việc nâng cao hiệu quả kinh tế, còn phải quan tâm đến hiệu quả xã hội, lợi ích xã hội. Về mặt xã hội, tích tụ, tập trung ruộng đất là vấn đề quan hệ giữa các chủ thể: Nhà nước, doanh nghiệp, nông dân. Trong đó, Nhà nước có vai trò và trách nhiệm rất quan trọng, Nhà nước là người ban hành pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo môi trường thể chế cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, tích tụ, tập trung ruộng đất; là người quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quyết định mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích

sử dụng đất; quyết định có hay không hạn mức giao đất, hạn mức chuyển nhượng quyền sử dụng đất... nên vai trò của Nhà nước trong điều tiết hài hòa các lợi ích giữa các chủ thể rất quan trọng trong toàn bộ quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất.

Ba là, Luật Đất đai sửa đổi cần tạo môi trường bình đẳng, có lợi cho nông dân khi tham gia tích tụ, tập trung ruộng đất sản xuất nông nghiệp, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Sở dĩ cần như vậy là vì:

Mặc dù hiện nay người dân vẫn tìm được lợi ích cá nhân trong điều kiện ruộng đất phân tán, nhưng dưới góc độ quản lý, Nhà nước vẫn khuyến khích nông dân tham gia tích tụ, tập trung ruộng đất tự nguyện. Rõ ràng, trong chừng mực nào đó, tích tụ, tập trung ruộng đất đã trở thành một cơ hội để những nông dân biết làm ăn tập thể và có thể vươn đến một cuộc sống thịnh vượng hơn. Họ không thể làm giàu được nếu chỉ trông chờ vào vài mảnh ruộng nhỏ lẻ, manh mún với qui mô 0,3-0,5ha. Theo các nghiên cứu gần đây cho thấy, để canh tác lúa hiệu quả, có lãi, mỗi hộ 4 khẩu cần canh tác trên diện tích tối thiểu chừng 3ha. Nhưng vấn đề không nằm ở việc sắp xếp ruộng đất mà là làm sao để hỗ trợ người nông dân nâng cao năng lực và vốn để dần chuyển từ nông nghiệp truyền thống sang nền nông nghiệp hiện đại, tạo ra giá trị gia tăng cao theo mô hình kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp xanh từ tích tụ, tập trung ruộng đất. Từ đó cho phép nông dân hợp lý hóa lượng ruộng đất hiện có thông qua tích tụ, tập trung ruộng đất tự nguyện theo tín hiệu thị trường và sự trưởng thành trong kỹ năng quản trị ruộng đồng hiệu quả. Cùng với sửa đổi khung pháp lý, cần coi trọng tuyên truyền, vận động khuyến khích các chủ ruộng ít có nhu cầu sản xuất nông nghiệp, những người đã chuyển đổi sinh kế cho thuê, giao, bán đất

lại cho người có nhu cầu và khả năng đầu tư thâm canh nông nghiệp tham gia tích tụ, tập trung ruộng đất sản xuất hàng hóa. Hiện nay, cơn sốt đất đã tràn về nông thôn, giá đất tăng cao, nên cơ hội cho việc tích tụ và tập trung ruộng đất càng khó hơn. Cùng với tâm lý nông dân vẫn giữ đất dù họ đã ly hương, đề phòng rủi ro mất việc ở đô thị sẽ về làng vẫn còn miếng đất cắm dùi, họ coi đất đai như một cuốn sổ bảo hiểm, do các cấu trúc an sinh xã hội của chúng ta chưa giải quyết được vấn đề nông dân mất đất và công nhân (gốc nông dân) mất việc tại đô thị và các khu công nghiệp. Bên cạnh quan tâm đến việc phân bổ lợi ích trong quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển thị trường đất đai, cần quan tâm đến thị trường lao động, thị trường tài chính nông nghiệp hoạt động thuận lợi, liên kết được với nhau. Nhà nước cần có chính sách tạo bình đẳng trong phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ vốn, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào kết cấu hạ tầng nông thôn; đẩy mạnh thực hiện công bằng trong giáo dục, đào tạo và lao động, việc làm cho nông dân. Từ đó, tạo điều kiện, cơ hội học tập, việc làm, thu nhập cho nông dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng luôn có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với cách mạng Việt Nam, soi sáng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Với quan điểm xuyên suốt, nhất quán, Đảng và Nhà nước đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Những kết quả tích cực, toàn diện trên mọi mặt đời sống xã hội đã không chỉ khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa do Đảng, Nhà nước

và nhân dân ta đang nỗ lực xây dựng; mà còn là những minh chứng sinh động để đập tan các âm mưu, luận điệu phủ nhận kết quả thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam. Trong lĩnh vực nông nghiệp, quá trình hiện đại hoá đòi hỏi đi kèm với tích tụ, tập trung ruộng đất đủ lớn để tăng quy mô ruộng đất, đây cũng là một chủ trương đang được Nhà nước khuyến khích và cụ thể hoá thành luật. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất việc hưởng lợi và bảo đảm các quyền lợi cho nông dân, gắn với sinh kế của họ có nơi chưa đồng bộ, có phần thua thiệt cho nông dân. Do vậy, vận dụng những tư tưởng của Hồ Chí Minh về công bằng trong chính sách pháp luật về ruộng đất, nhất là bảo đảm hưởng lợi cho nông dân khi thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất là rất quan trọng. Bài viết kiến nghị một số giải pháp tiếp tục vận dụng vào Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi, hy vọng sẽ khắc phục được cơ bản những bất cập trong quản lý, sử dụng đất đai thời gian qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 1-15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Tổng Cục Thống kê (2020), *Thông cáo báo chí về kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020*, Hà Nội.